

Số: 723/NQ-UBTVQH15

NGHỊ QUYẾT

Về việc thành lập thị xã Thuận Thành và các phường thuộc thị xã Thuận Thành, thị xã Quế Võ và các phường thuộc thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 21/2017/QH14 và Luật số 47/2019/QH14;

Căn cứ Luật Tổ chức Tòa án nhân dân số 62/2014/QH13;

Căn cứ Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân số 63/2014/QH13;

Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

Xét đề nghị của Chính phủ tại Tờ trình số 501/TTr-CP ngày 26 tháng 12 năm 2022, Tòa án nhân dân tối cao tại Tờ trình số 777/TTr-TANDTC ngày 30 tháng 12 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Tờ trình số 146/TTr-VKSTC ngày 06 tháng 01 năm 2023, Báo cáo tham gia thẩm tra số 1691/BC-UBTP15 ngày 07 tháng 01 năm 2023 của Ủy ban Tư pháp và Báo cáo thẩm tra số 1413/BC-UBPL15 ngày 03 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban Pháp luật.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thành lập thị xã Thuận Thành và các phường thuộc thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh

1. Thành lập thị xã Thuận Thành trên cơ sở toàn bộ 117,83 km² diện tích tự nhiên và quy mô dân số 199.577 người của huyện Thuận Thành thuộc tỉnh Bắc Ninh.

Thị xã Thuận Thành giáp thị xã Quế Võ, các huyện Gia Bình, Lương Tài, Tiên Du thuộc tỉnh Bắc Ninh; tỉnh Hải Dương, tỉnh Hưng Yên và thành phố Hà Nội.

2. Thành lập 10 phường thuộc thị xã Thuận Thành như sau:

a) Thành lập phường Hồ trên cơ sở toàn bộ 5,11 km² diện tích tự nhiên và quy mô dân số 16.183 người của thị trấn Hồ.

Phường Hồ giáp các phường An Bình, Gia Đông, Song Hồ, Trạm Lộ, xã Hoài Thượng thuộc thị xã Thuận Thành và huyện Tiên Du;

b) Thành lập phường An Bình trên cơ sở toàn bộ 7,96 km² diện tích tự nhiên và quy mô dân số 13.343 người của xã An Bình.

Phường An Bình giáp phường Hồ, phường Trạm Lộ, xã Hoài Thượng, xã Mão Điền thuộc thị xã Thuận Thành và huyện Gia Bình;

c) Thành lập phường Song Hồ trên cơ sở toàn bộ 3,71 km² diện tích tự nhiên và quy mô dân số 7.531 người của xã Song Hồ.

Phường Song Hồ giáp phường Hồ, phường Gia Đông, xã Đại Đồng Thành thuộc thị xã Thuận Thành và huyện Tiên Du;

d) Thành lập phường Gia Đông trên cơ sở toàn bộ 9,07 km² diện tích tự nhiên và quy mô dân số 12.556 người của xã Gia Đông.

Phường Gia Đông giáp các phường Hồ, Ninh Xá, Song Hồ, Thanh Khương, Trạm Lộ và các xã Nguyệt Đức, Đại Đồng Thành, Đình Tổ thuộc thị xã Thuận Thành;

đ) Thành lập phường Thanh Khương trên cơ sở toàn bộ 4,78 km² diện tích tự nhiên và quy mô dân số 8.908 người của xã Thanh Khương.

Phường Thanh Khương giáp các phường Gia Đông, Hà Mãn, Trí Quả và xã Đình Tổ, xã Nguyệt Đức thuộc thị xã Thuận Thành;

e) Thành lập phường Hà Mãn trên cơ sở toàn bộ 3,58 km² diện tích tự nhiên và quy mô dân số 6.886 người của xã Hà Mãn.

Phường Hà Mãn giáp các phường Thanh Khương, Trí Quả, Xuân Lâm và xã Nguyệt Đức, xã Ngũ Thái thuộc thị xã Thuận Thành;

g) Thành lập phường Trạm Lộ trên cơ sở toàn bộ 9,68 km² diện tích tự nhiên và quy mô dân số 10.156 người của xã Trạm Lộ.

Phường Trạm Lộ giáp các phường An Bình, Gia Đông, Hồ, Ninh Xá, xã Nghĩa Đạo thuộc thị xã Thuận Thành; huyện Gia Bình và huyện Lương Tài;

h) Thành lập phường Trí Quả trên cơ sở toàn bộ 5,54 km² diện tích tự nhiên và quy mô dân số 10.633 người của xã Trí Quả.

Phường Trí Quả giáp các phường Hà Mãn, Thanh Khương, Xuân Lâm, xã Đình Tổ thuộc thị xã Thuận Thành và thành phố Hà Nội;

i) Thành lập phường Xuân Lâm trên cơ sở toàn bộ 4,78 km² diện tích tự nhiên và quy mô dân số 11.729 người của xã Xuân Lâm.

Phường Xuân Lâm giáp phường Hà Mãn, phường Trí Quả, xã Ngũ Thái, xã Song Liễu thuộc thị xã Thuận Thành và thành phố Hà Nội;

k) Thành lập phường Ninh Xá trên cơ sở toàn bộ 8,25 km² diện tích tự nhiên và quy mô dân số 10.480 người của xã Ninh Xá.

Phường Ninh Xá giáp phường Gia Đông, phường Trạm Lộ, xã Nghĩa Đạo, xã Nguyệt Đức thuộc thị xã Thuận Thành và tỉnh Hưng Yên.

3. Sau khi thành lập thị xã Thuận Thành và các phường thuộc thị xã Thuận Thành, thị xã Thuận Thành có 18 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 10 phường: An Bình, Gia Đông, Hà Mãn, Hồ, Ninh Xá, Song Hồ, Thanh Khương, Trạm Lộ, Trí Quả, Xuân Lâm và 08 xã: Đại Đồng Thành, Đình Tổ, Hoài Thượng, Mão Điền, Nghĩa Đạo, Ngũ Thái, Nguyệt Đức, Song Liễu.

Điều 2. Thành lập thị xã Quế Võ và các phường thuộc thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh

1. Thành lập thị xã Quế Võ trên cơ sở toàn bộ 155,11 km² diện tích tự nhiên và quy mô dân số 219.929 người của huyện Quế Võ thuộc tỉnh Bắc Ninh.

Thị xã Quế Võ giáp thành phố Bắc Ninh, thị xã Thuận Thành, huyện Gia Bình, huyện Tiên Du thuộc tỉnh Bắc Ninh; tỉnh Bắc Giang và tỉnh Hải Dương.

2. Thành lập 11 phường thuộc thị xã Quế Võ như sau:

a) Thành lập phường Phố Mới trên cơ sở toàn bộ 2,76 km² diện tích tự nhiên và quy mô dân số 11.407 người của thị trấn Phố Mới.

Phường Phố Mới giáp các phường Bằng An, Bồng Lai, Phương Liễu, Phương Mao, Việt Hùng thuộc thị xã Quế Võ;

b) Thành lập phường Việt Hùng trên cơ sở toàn bộ 7,92 km² diện tích tự nhiên và quy mô dân số 13.516 người của xã Việt Hùng.

Phường Việt Hùng giáp các phường Bằng An, Bồng Lai, Cách Bi, Phố Mới, Phù Lương, Quế Tân thuộc thị xã Quế Võ;

c) Thành lập phường Bằng An trên cơ sở toàn bộ 4,77 km² diện tích tự nhiên và quy mô dân số 5.386 người của xã Bằng An.

Phường Bằng An giáp các phường Nhân Hòa, Phố Mới, Phương Liễu, Quế Tân, Việt Hùng thuộc thị xã Quế Võ và tỉnh Bắc Giang;

d) Thành lập phường Phương Mao trên cơ sở toàn bộ 5,02 km² diện tích tự nhiên và quy mô dân số 20.176 người của xã Phương Mao.

Phường Phương Mao giáp các phường Bồng Lai, Phố Mới, Phương Liễu, xã Mộ Đạo, xã Yên Giả thuộc thị xã Quế Võ và thành phố Bắc Ninh;

đ) Thành lập phường Phương Liễu trên cơ sở toàn bộ 8,35 km² diện tích tự nhiên và quy mô dân số 30.127 người của xã Phương Liễu.

Phường Phương Liễu giáp các phường Bằng An, Đại Xuân, Nhân Hòa, Phố Mới, Phương Mao thuộc thị xã Quế Võ và thành phố Bắc Ninh;

e) Thành lập phường Đại Xuân trên cơ sở toàn bộ 7,80 km² diện tích tự nhiên và quy mô dân số 11.567 người của xã Đại Xuân.

Phường Đại Xuân giáp phường Nhân Hòa, phường Phương Liễu, xã Việt Thống thuộc thị xã Quế Võ, thành phố Bắc Ninh và tỉnh Bắc Giang;

g) Thành lập phường Nhân Hòa trên cơ sở toàn bộ 6,98 km² diện tích tự nhiên và quy mô dân số 9.528 người của xã Nhân Hòa.

Phường Nhân Hòa giáp các phường Bằng An, Đại Xuân, Phương Liễu, xã Việt Thống thuộc thị xã Quế Võ và tỉnh Bắc Giang;

h) Thành lập phường Quế Tân trên cơ sở toàn bộ 8,06 km² diện tích tự nhiên và quy mô dân số 8.002 người của xã Quế Tân.

Phường Quế Tân giáp các phường Bằng An, Phù Lương, Việt Hùng thuộc thị xã Quế Võ và tỉnh Bắc Giang;

i) Thành lập phường Phù Lương trên cơ sở toàn bộ 7,76 km² diện tích tự nhiên và quy mô dân số 6.665 người của xã Phù Lương.

Phường Phù Lương giáp các phường Cách Bi, Quế Tân, Việt Hùng, các xã Đào Viên, Ngọc Xá, Phù Lãng thuộc thị xã Quế Võ và tỉnh Bắc Giang;

k) Thành lập phường Bồng Lai trên cơ sở toàn bộ 6,62 km² diện tích tự nhiên và quy mô dân số 9.677 người của xã Bồng Lai.

Phường Bồng Lai giáp các phường Cách Bi, Phố Mới, Phương Mao, Việt Hùng, xã Mộ Đạo thuộc thị xã Quế Võ và huyện Gia Bình;

l) Thành lập phường Cách Bi trên cơ sở toàn bộ 8,11 km² diện tích tự nhiên và quy mô dân số 7.722 người của xã Cách Bi.

Phường Cách Bi giáp các phường Bồng Lai, Phù Lương, Việt Hùng, xã Đào Viên thuộc thị xã Quế Võ và huyện Gia Bình.

3. Sau khi thành lập thị xã Quế Võ và các phường thuộc thị xã Quế Võ, thị xã Quế Võ có 21 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 11 phường: Bằng An, Bồng Lai, Cách Bi, Đại Xuân, Nhân Hòa, Phố Mới, Phương Liễu, Phương Mao, Phù Lương, Quế Tân, Việt Hùng và 10 xã: Châu Phong, Chi Lăng, Đào Viên, Đức Long, Hán Quảng, Mộ Đạo, Ngọc Xá, Phù Lãng, Việt Thống, Yên Giả.

Điều 3. Thành lập Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh và Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh

1. Thành lập Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh:

a) Thành lập Tòa án nhân dân thị xã Thuận Thành trên cơ sở kế thừa Tòa án nhân dân huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh;

b) Thành lập Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận Thành trên cơ sở kế thừa Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

2. Thành lập Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh:

a) Thành lập Tòa án nhân dân thị xã Quế Võ trên cơ sở kế thừa Tòa án nhân dân huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh;

b) Thành lập Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quế Võ trên cơ sở kế thừa Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 4 năm 2023.

2. Kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, tỉnh Bắc Ninh có 08 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm 04 huyện, 02 thị xã và 02 thành phố; 126 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 70 xã, 52 phường và 04 thị trấn.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Chính phủ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh và các cơ quan, tổ chức hữu quan có trách nhiệm tổ chức thi hành Nghị quyết này; sắp xếp, ổn định bộ máy các cơ quan, tổ chức ở địa phương; ổn định đời sống của Nhân dân địa phương, bảo đảm yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn.

2. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm sắp xếp tổ chức bộ máy, quyết định biên chế, số lượng Thẩm phán, Kiểm sát viên, công chức khác và người lao động của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận Thành và thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh theo quy định của pháp luật.

3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có tên gọi gắn với địa danh các đơn vị hành chính được thành lập mới phải hoàn thành việc đổi tên để hoạt động với tên gọi quy định tại Điều 1 và Điều 2 của Nghị quyết này kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này được Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, phiên họp thứ 20 thông qua ngày 13 tháng 02 năm 2023.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
 - Ban Tổ chức Trung ương;
 - Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
 - Tòa án nhân dân tối cao;
 - Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
 - Kiểm toán nhà nước;
 - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
 - Tổng cục Thống kê;
 - Tỉnh ủy, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Ninh;
 - Lưu: HC, PL.
- e-PAS: 10277

**TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH**

(đã ký)

Vương Đình Huệ